

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/HS-ST
Ngày 25-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Hà Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Vũ Minh T, sinh ngày 25 tháng 5 năm 198X, tại Hải Phòng. Nơi ĐKKHKT: Đường H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Đường L, phường H, quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Anh Tuấn và bà Trần Thị Thúy; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 14/4/2020, tạm giam ngày 23/4/2020, đến ngày 21/5/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Vũ Mạnh T1, sinh năm 197Y; nơi cư trú: Đường T, phường T1, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Anh Ngô Thanh T2, sinh năm 197Z; đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường L phường L1, quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Đường P, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 198K; nơi ĐKKHKT: Đường H, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Đường L, phường H, quận L, thành

phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 25/12/2018 do cần tiền để làm ăn, anh Vũ Mạnh T1, sinh năm 1978, trú tại: 7/21/201 Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng nhờ bạn là Nguyễn Anh Việt (sinh năm 1981, trú tại số 5/35 tổ 3 xóm Trung, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng) tìm xem có ai cho vay để anh T1 vay lãi 100.000.000 đồng, Việt đã gọi điện cho bạn là Vũ Minh T nói là có T1 muốn vay lãi 100.000.000 đồng, Việt giới thiệu T1 là bạn của Việt đang làm tại Bưu điện thành phố Hải Phòng thì T đồng ý cho T1 vay 100.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng tiền vay/01 ngày (tương đương 09%/01 tháng và 108%/01 năm), T1 đồng ý vay tiền với mức lãi suất trên. Khi cho vay tiền, T yêu cầu T1 phải có tài sản thế chấp, lúc đó T1 chỉ có chiếc xe SH biển kiểm soát 15B2-376.80 để đi làm nên nhờ Việt nói với T để xin không phải thế chấp xe, T đồng ý nhưng yêu cầu T1 phải viết giấy bán xe SH biển kiểm soát 15B2-376.80 cho T với giá 100.000.000 đồng và viết hợp đồng thuê lại chiếc xe trên mục đích để hợp thức hóa khoản vay 100.000.000 đồng, thực tế không có việc mua bán chiếc xe biển kiểm soát 15B2-376.80. Sau đó T bảo Việt đến nhà và đưa cho Việt mẫu giấy bán xe, mẫu hợp đồng thuê xe để Việt đưa cho T1 viết, Việt đưa các mẫu giấy bán xe, mẫu hợp đồng thuê xe cho T1 viết tại quán cà phê “Thư” số 331 Trần Nguyên Hãn, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng. Sau khi T1 viết xong Việt cầm số giấy tờ trên mang đến nhà cho T, T đưa cho Việt 100.000.000 đồng và Việt quay lại quán cà phê “Thư” giao cho T1, T1 xin số điện thoại của T và gọi ngay cho T để xác nhận việc nhận đủ 100.000.000 đồng, T và T1 thống nhất mỗi tháng T1 phải trả lãi cho T 9.000.000 đồng. Sau khi T1 đã vay được của T 100.000.000 đồng thì có nói với Việt là thực tế T1 chỉ cần gấp 80.000.000 đồng nên Việt hỏi vay của T1 20.000.000 đồng, T1 đồng ý cho vay không tính lãi suất và yêu cầu khoảng 1-2 tháng sau phải trả 40.000.000 đồng (Việt còn nợ T1 20.000.000 đồng trước đó) để T1 trả tiền vay cho T.

Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019, T1 đã trả tiền lãi 04 tháng cho T với tổng số tiền là 36.000.000 đồng, sau đó T1 không trả được tiền lãi và cũng chưa trả được tiền gốc. Do nhiều lần không lấy được tiền lãi, khoảng cuối tháng 11/2019 T hẹn gặp T1 và Việt tại quán cà phê số 40 Minh Khai, tại đây T yêu cầu T1 phải trả cho T tổng số tiền 120.000.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng là tiền gốc và 20.000.000 đồng là tiền lãi), tiền lãi các tháng còn lại T1 chưa trả theo thỏa thuận ban đầu T sẽ không lấy nữa. T1 đồng ý và hứa trong 01 tuần sẽ trả cho T trước 60.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng là tiền gốc và 10.000.000 đồng là tiền lãi). Đến ngày 07/12/2019 T1 đã trả cho T 60.000.000 đồng (trong đó 50.000.000 đồng là tiền gốc và 10.000.000 đồng là tiền lãi). Ngày 10/4/2020 T tìm gặp T1 tại cửa Bưu điện thành phố Hải Phòng để đòi nốt số tiền 60.000.000 đồng, T1 chưa có để trả nên T dùng tay nắm T1 mấy cái và dọa nếu không trả tiền sẽ đánh gãy chân T1. Do hoảng sợ nên T1 đã đến Công an quận Lê Chân trình báo.

Từ ngày 25/12/2018 đến ngày 07/12/2019, T đã cho T1 vay 100.000.000 đồng và nhận của T1 46.000.000 đồng tiền lãi, hiện nay T1 còn nợ T 50.000.000 đồng tiền gốc.

Vụ thứ hai: Ngày 22/11/2018 và 23/11/2018, T cho anh Ngô Thanh T2 (sinh năm 1979, trú tại số 172 gác 2 Lê Lợi, quận Ngô Quyền, Hải Phòng) vay 50.000.000 đồng với lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng tiền vay/01 ngày, tương đương 4.500.000 đồng/01 tháng, từ tháng 12/2018 đến tháng 01/2019 anh T2 đã trả lãi 02 tháng cho T với tổng số tiền 9.000.000 đồng. Ngày 31/01/2019 anh T2 chưa trả gốc 50.000.000 đồng mà tiếp tục vay thêm 20.000.000 đồng. Tổng số tiền anh T2 vay T là 70.000.000 đồng, T vẫn tính lãi suất 3000 đồng/01 triệu đồng tiền vay/01 ngày với khoản vay 70.000.000 đồng, tương đương 6.300.000 đồng/01 tháng, từ tháng 2/2019 đến tháng 01/2020 (12 tháng) anh T2 đã trả lãi 12 tháng cho T với tổng số tiền lãi 75.600.000 đồng.

Từ ngày 22/11/2018 đến tháng 01/2020 T đã cho T2 vay 70.000.000 đồng và nhận của anh T2 84.600.000 đồng tiền lãi. Hiện anh T2 còn nợ T 70.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền T cho anh T1, anh T2 vay là 100.000.000 đồng + 70.000.000 = 170.000.000 đồng; T thu lãi của anh T1, anh T2 từ ngày 22/11/2018 đến tháng 01/2020 là: 46.000.000 + 84.600.000 = 130.600.000 đồng.

Theo quy định về “*Lãi suất*” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho phép các bên thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá là 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, trong tổng số tiền lãi 130.600.000đ (tương ứng lãi suất 108%/01 năm) thì có 20% lãi suất hợp pháp, do đó chấp nhận số tiền lãi, tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/01 năm (tương đương 1,67%/01 tháng), số tiền lãi còn lại được xác định là thu lời bất chính để xem xét trách nhiệm hình sự đối với Vũ Minh T. Cụ thể như sau:

- Tiền lãi T đã nhận của anh Vũ Mạnh T1 là 46.000.000 đồng. Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/01 năm là: $[1,67\% \times 100.000.000\text{đ} \times 05 \text{ tháng}] + (1,67\% \times 100.000.000\text{đ} \times 1/9 \text{ (tương ứng với số tiền lãi 1.000.000 đồng còn lại - 01 tháng T1 phải trả lãi 9.000.000 đồng)}) = 8.350.000 + 185.556 = 8.535.556 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính được xác định là: $46.000.000 - 8.535.556 = 37.464.444 \text{ đồng}$.

- Tiền lãi T đã nhận của anh Ngô Thanh T2:

+ Đối với khoản vay 50.000.000 đồng, tiền lãi T đã nhận được 02 tháng là $4.500.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 9.000.000 \text{ đồng}$. Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/01 năm là: $1,67\% \times 50.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 1.670.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lời bất chính được xác định là: $9.000.000 - 1.670.000 = 7.330.000 \text{ đồng}$.

+ Đối với khoản vay 70.000.000 đồng, tiền lãi T đã nhận được 12 tháng là $6.300.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 75.600.000 \text{ đồng}$. Khoản tiền tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/01 năm là: $1,67\% \times 70.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 14.028.000$

đồng. Số tiền thu lời bất chính được xác định là: $75.600.000 - 14.028.000 = 61.572.000$ đồng.

Tổng số tiền Vũ Minh T thu lời bất chính qua việc cho 02 người vay là: $37.464.444 + 7.330.000 + 61.572.000 = 106.366.444$ đồng.

Ngày 14/4/2020, Vũ Minh T đã bị bắt theo Lệnh giữ người trong T1 hợp khẩn cấp số 12 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân.

Về vật chứng:

+ Vũ Minh T đã giao nộp các giấy tờ gồm:

- Bản chính: 01 giấy bán xe máy biển kiểm soát 15B2-376.80; 01 hợp đồng cho thuê xe máy tự lái xe máy biển kiểm soát 15B2-376.80.

- Bản foto: 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Vũ Mạnh T1; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Đông; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị Đông; 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trịnh Thị Ghi.

+ Thu giữ tại nhà của Vũ Minh T khi T hành khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật, thư tín tại số 1 Lô B14 Lâm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, Hải Phòng:

- 01 túi cúc bấm bên trong có: 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Đông; 01 sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Trịnh Thị Ghi; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 15B2-376.80 (bản foto).

- 01 cặp màu đen kích thước 40cm x30 cm, bên trong cặp có: 03 mẫu giấy vay tiền không ghi nội dung; 02 giấy vay tiền ghi tên người vay là Ngô Thanh T2 và 02 giấy vay tiền ghi tên người vay là Nguyễn Thị Tường Linh; người cho vay là Vũ Minh T; 01 sổ bì màu xanh in mẫu hợp đồng cầm đồ của Cửa hàng cầm đồ 155 đường Hà Nội, quận Hồng Bàng, Hải Phòng chưa ghi nội dung; 01 biên bản xác nhận số dư nợ cửa hàng cho thuê tài chính lập giữa Công ty cổ phần điện tử viễn thông Kiến Quốc và cửa hàng cho thuê tài chính, đại diện là ông Vũ Minh T cửa hàng trưởng; 01 giấy cam kết và 01 giấy vay tiền của ông Trần Quốc Hoàn, trú tại 30/67 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Hải Phòng; 01 bảng theo dõi tiền gốc vay cầm đồ liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn; 01 giấy cam kết và 01 giấy biên nhận của Phạm Thùy Anh, sinh năm 1979, trú tại số 945 Thiên Lôi, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, Hải Phòng; 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Phạm Thùy Anh và Nguyễn Minh T; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN879424 mang tên Vũ Minh T và vợ là Nguyễn Thị H (bản foto).

- Số tiền 80.000.000 đồng.

+ Ngày 20/5/2020, vợ T là Nguyễn Thị H đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của T gây ra.

Về vật chứng:

- Các giấy tờ do Vũ Minh T giao nộp và thu giữ tại nhà T nêu trên đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân: 01 cặp da màu đen kích thước 40x30cm; 01 túi cúc bấm và số tiền 100.000.000 đồng.

Về dân sự: Anh Vũ Mạnh T1 và anh Ngô Thanh T2 đề nghị giải quyết vấn đề dân sự tại Tòa án và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Vũ Minh T.

Tại bản Cáo trạng số 139/CT-VKS ngày 04/9/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Vũ Minh T về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Minh T khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, anh Vũ Mạnh T1 trình bày như nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính là 37.464.444 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H (vợ bị cáo T) khai: Số tiền 80.000.000 đồng công an thu giữ trong kết nhà bị cáo là của riêng chị do chị có thu nhập từ việc kinh doanh cửa hàng áo cưới, không liên quan đến việc bị cáo cho vay nặng lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị số tiền 80.000.000 đồng.

Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Phạt tiền bị cáo Vũ Minh T số tiền từ 200.000.000 đến 220.000.000 đồng về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

- Buộc bị cáo Vũ Minh T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc là 50.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội và 24.233.556 đồng tiền lãi.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Mạnh T1 và Ngô Thanh T2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 120.000.000 đồng, cụ thể: Anh Vũ Mạnh T1 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 đồng và anh Ngô Thanh T2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 70.000.000 đồng.

- Về tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Vũ Minh T phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Thanh T2 số tiền 68.902.000 đồng.

- Không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 01 cặp màu đen kích thước 40x30cm và 01 túi cúc bấm. Tạm giữ số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, người làm chứng, nội dung bản cáo trạng và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 11 năm 2018 đến tháng 01 năm 2019, bị cáo Vũ Minh T đã cho vay nặng lãi để thu lợi. Bị cáo đã cho anh Vũ Mạnh T1 vay 100.000.000 đồng và anh Ngô Thanh T2 vay 70.000.000 đồng, tổng số tiền cho vay là 170.000.000 đồng, với lãi suất 09%/tháng và 108%/năm, gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị cáo đã thu được tổng số tiền lãi là 130.600.000 đồng, trong đó số tiền lãi được Bộ luật Dân sự cho phép (20%/năm) là 24.233.556 đồng, số tiền lãi vượt quy định của Bộ luật Dân sự (tiền thu lợi bất chính) là 106.366.444 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Vũ Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Việc đưa bị cáo ra xét xử trước pháp luật là cần thiết để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng:

[5] Bị cáo nhiều lần cho vay lãi nặng và tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần phạm tội trên 100.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ:

[6] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nhân thân chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[7] Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính. Xét thấy bị cáo có đủ khả năng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính do đó áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo cũng đủ tính răn đe và phòng ngừa tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Miễn hình phạt bổ sung do bị cáo đã thi hành hình phạt chính là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[9] Đối với số tiền gốc 170.000.000 đồng của bị cáo để cho vay là số tiền sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Mạnh T1 chưa trả hết tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và anh Ngô Thanh T2 chưa trả hết tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng cho bị cáo vì vậy cần buộc anh Vũ Mạnh T1 và anh Ngô Thanh T2 phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước. Số tiền 50.000.000 đồng bị cáo đã nhận tiền gốc do anh Vũ Mạnh T1 trả nên buộc bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với khoản tiền lãi 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay tương đương với số tiền 24.233.556 đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự khoản tiền này không tính vào khối lượng buộc tội cho bị cáo. Tuy nhiên, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên buộc bị cáo phải nộp lại tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về số tiền thu lợi bất chính: Về nguyên tắc tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, những người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày, người vay phải chịu lãi nặng. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Ngô Thanh T2 số tiền thu lợi bất chính 68.902.000 đồng. Anh Vũ Mạnh T1 không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính 37.464.444 đồng nên không đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về việc xử lý vật chứng:

[12] Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, b, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 cặp màu đen kích thước 40x30cm và 01 túi cúc bấm liên quan đến hành vi phạm tội.

- Số tiền 20.000.000 đồng do vợ bị cáo chị Nguyễn Thị H đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả nên tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Số tiền 80.000.000 đồng thu tại nhà của bị cáo là tiền của vợ bị cáo chị Nguyễn Thị H, không liên quan đến việc phạm tội do đó cần trả lại cho chị Nguyễn Thị H.

- Về án phí:

[13] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[14] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[15] Đối với Nguyễn Anh Việt có hành vi giới thiệu để Vũ Mạnh T1 vay tiền của T, Việt khai nhận không được hưởng bất cứ lợi ích vật chất nào từ T, T không hứa hẹn gì với Việt và cũng không nhờ Việt giới thiệu người vay tiền. Tài liệu điều tra đến thời điểm hiện nay chưa đủ cơ sở kết luận Việt có vai trò đồng phạm cùng Vũ Minh T về hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tiếp tục điều tra, khi nào đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[16] Đối với các giấy tờ có liên quan đến ông Trần Quốc Hoàn và chị Phạm Thùy Anh, xác minh ông Hoàn và chị Thùy Anh hiện không có mặt tại nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau. Đối với các giấy tờ cho vay tiền tên người vay là Nguyễn Thị Tường Linh, sinh năm 1984, trú tại số 5/2/69 Chợ Con, phường Trại Cau, quận Lê Chân, Hải Phòng, chị Linh khai nhận việc vay tiền giữa chị và T không phải chịu lãi suất gì, chị đã thanh toán hết tiền đã vay cho T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạt tiền bị cáo Vũ Minh T số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

- Buộc bị cáo Vũ Minh T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc dùng để cho vay là 50.000.000 đồng và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 24.233.556 đồng, tổng cộng là 74.233.556 (bảy mươi tư triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi sáu) đồng.

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Mạnh T1 và anh Ngô Thanh T2 phải nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, cụ thể như sau:

+ Anh Vũ Mạnh T1, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 7/21/201 đường Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng.

+ Anh Ngô Thanh T2, sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: Số 172 gác 2 đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 4/36/47/81 Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

- Về số tiền thu lợi bất chính: Buộc bị cáo Vũ Minh T phải trả lại cho anh Ngô Thanh T2, sinh năm 1979; nơi ĐKKHKT: Số 172 gác 2 đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 4/36/47/81 Phạm Hữu Điều, phường Niệm Nghĩa, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng số tiền 68.902.000 (sáu mươi tám triệu, chín trăm linh hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thu lợi bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, b, c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 cặp màu đen kích thước 40x30cm và 01 túi cúc bấm.

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là tiền bị cáo T tự nguyện khắc phục hậu quả.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Số 192 gác 2 đường Hai Bà Trưng, phường An Biên, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 1 lô B14 đường Lâm Tường, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0004587 ngày 07/9/2020 và biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 07/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Minh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.445.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, cộng bằng 3.645.000 (ba triệu sáu trăm bốn mươi năm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Vũ Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Mạnh T1 và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Thanh T2 được quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

T1 hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Lê Chân;
- Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hương

